

Bản án số: 385/2022/DS-PT
Ngày: 15- 6 - 2022
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 625/2022QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Hoàng O, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 132/3 , đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn P

Địa chỉ: Số 175, ấp Nội Ô, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 02/01/2019), ông Phương có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị L (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 140, đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Ông Ngô Tuấn K

Địa chỉ: Số 3, đường K, khóm 3, phường 3, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 16/3/2022), ông Khởi có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1945. Địa chỉ: Số 71T (97 cũ) đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

3.2. Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 132/3, đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà L ợi, bà L an: Ông Phan Văn P. Địa chỉ: Số 175, ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 23/01/2019 và ngày 21/02/2019). Ông P có mặt.

3.3. Ông Trương Văn D, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 69T đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

3.4. Ông Trương Công V, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 142, đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

3.5. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1960 (vắng mặt);

3.6. Ông Trương Minh T, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 22, đường Y, khóm 2, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

3.7. Ông Trương Công T, sinh năm 1964 (vắng mặt);

3.8. Ông Trương Văn H, sinh năm 1969 (vắng mặt);

3.9. Ông Trương Thanh T, sinh năm 1971 (vắng mặt);

3.10. Ông Lê Hoàng Quốc T, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 140, đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các ông bà: Trương Văn D; Trương Công V; Nguyễn Thị Thu V; Trương Minh T; Trương Công T; Trương Văn H; Trương Thanh T và Lê Hoàng Quốc T: Ông Võ Tuấn H. Địa chỉ: Số 95, đường T, khóm 3, phường 1, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 20/02/2019), ông Huân vắng mặt.

3.11. Bà Trương Phương D, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 4506 Queen A, Union City, CA 94587, USA (vắng mặt);

3.12. Ông Lê Trung T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 140, đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Trương Hoàng O, bà Nguyễn Thị L. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 10-12-2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08-01-2019 và lời trình bày trong quá trình tố tụng của ông Phan Văn P đại diện cho nguyên đơn tóm tắt như sau:

Ông nội của nguyên đơn là cụ Trương Văn H sinh năm 1932 (chết ngày 03/9/2009), bà nội là cụ Hứa Thị M sinh năm 1933 (chết năm 1985). Cụ H và cụ M có tất cả 09 người con gồm: Trương Văn D; Trương Thị L; Trương Công V; Trương Công Điền (chết ngày 01/6/2008, có vợ là Nguyễn Thị Thu V và con là Trương Minh T); Trương Công T; Trương Phương D; Trương Văn H; Trương Thanh T và Trương Hàn T (chết ngày 10/01/2007, có vợ là Nguyễn Ngọc L và con là Trương Hoàng O). Ngoài ra, Cụ H và cụ M không có con nuôi hay con riêng.

Cụ Trương Văn H sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị L vào năm 1986, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường 6, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang (nay là Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/10/1987), Cụ H và bà L ời không có con chung.

Lúc sinh thời Cụ H và cụ M có tạo lập được tài sản là căn nhà số 71T (97 cũ) đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Vào năm 2009 Nhà nước xây dựng bờ kè sông Maspero, căn nhà bị giải tỏa toàn bộ, Cụ H được bồi thường tổng cộng là 1.470.993.316 đồng. Do Cụ H chết trước khi nhận tiền bồi hoàn, nên các đồng thừa kế của Cụ H đã ủy quyền cho bà Trương Thị L cùng chồng là ông Lê Hoàng T (hiện đã chết) nhận tiền đền bù của Cụ H để phân chia lại cho các thừa kế khác. Ngày 15/9/2009 bà L và ông Tấn đã nhận tiền đền bù 1.470.993.316 đồng nhưng không phân chia lại cho các đồng thừa kế của Cụ H.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị L chia thừa kế là di sản của ông nội nguyên đơn là cụ Trương Văn H là số tiền đền bù giải tỏa 1.470.993.316 đồng mà bà L đang chiếm giữ. Chia theo pháp luật, chia làm 10 phần cho 10 người, mỗi người một kỷ phần là 147.099.331 đồng gồm: Nguyễn Thị L; Trương Văn D; Trương Thị L; Trương Công V; Trương Công T; Trương Phương D; Trương Văn H; Trương Thanh T; Trương Minh T (con Trương Công Điền) và Trương Hoàng O (con Trương Hàn T).

- Bị đơn Trương Thị L và người đại diện của bà L trình bày: Bị đơn thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn Trương Hoàng O về quan hệ thừa kế của cha là cụ Trương Văn H, nhưng bà L ời sống chung với ông H là vào tháng 6/1987 chứ không phải sống chung năm 1986. Lúc sinh thời cha bị đơn có sở hữu căn nhà 71T (97 cũ) đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc

Trăng (cơ sở sản xuất bún), vào năm 2009 căn nhà bị giải tỏa toàn bộ để xây dựng công trình bờ kè sông Maspero, ông H được nhận tiền đền bù giải tỏa là 1.470.993.316 đồng. Vì căn nhà bị giải tỏa toàn bộ, do chưa có tiền để đặt cọc mua căn nhà phía trên lộ số 150 đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng của bà Dư Ngọc A và Dư Thị Út bán lại để có chỗ di dời cơ sở sản xuất bún nên ông H đề nghị vợ chồng bị đơn cho mượn trước 1.200.000.000 đồng để cho Trương Văn H (đang ở chung với ông H) đặt cọc mua nhà khi nào nhận được tiền đền bù, giải tỏa trả lại cho vợ chồng bị đơn. Giá mua căn của bà A và bà Út là 2.200.000.000 đồng, cha có nói với các anh chị em là chỉ cho vợ chồng Hòa 1.200.000.000 đồng phần còn lại vợ chồng Hòa tự kiếm bù vào để mua căn nhà.

Sau khi ông H qua đời toàn bộ chi phí tang lễ, xây mộ do vợ chồng bị đơn lo với tổng chi phí là 266.272.000 đồng. Nên khi nhận tiền đền bù 1.470.993.316 đồng thì tất cả các anh em đều đồng ý cho vợ chồng bị đơn trừ lại số tiền ông H mượn đặt cọc mua nhà là 1.200.000.000 đồng và trừ chi phí lo đám tang là 266.272.000 đồng, nên số tiền nhận đền bù giải tỏa chỉ còn lại 4.721.316 đồng. Do đó, bị đơn không ý với yêu cầu khởi kiện của Trương Hoàng O và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L.

- Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 29/01/2019 và lời trình bày trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ông Trương Văn H, sinh năm 1932 (chết ngày 03/9/2009) và bà Hứa Thị M, sinh năm 1933 (chết năm 1985) có 09 người con như Bà O trình bày. Trước đây ông H là chủ cơ sở lò bún số nhà 71T (97 cũ) đường Điện Biên Phủ, khóm 3, phường 6 thành phố Sóc Trăng, tôi là vợ thứ của ông H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1986 đến ngày 22/10/1987 được Ủy ban nhân dân phường 6 thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn, tôi và ông H không có con chung. Căn nhà 71T (97 cũ) đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (cơ sở sản xuất bún) là do ông H và bà Mừng tạo lập. Vào năm 2009 căn nhà bị giải tỏa toàn bộ để xây dựng công trình bờ kè sông Maspero, do ông H chết trước khi nhận tiền đền bù, giải tỏa nên ngày 14/9/2009 tôi cùng các con và cháu của ông H ủy quyền cho vợ chồng Trương Thị L và Lê Hoàng T đại diện gia đình nhận tiền đền bù giải tỏa. Ngày 15/9/2009 vợ chồng Trương Thị L và Lê Hoàng T đến Trung tâm Quý đất thành phố Sóc Trăng nhận tiền đền bù giải tỏa là 1.470.993.316 đồng, sau khi nhận được tiền đền bù giải tỏa vợ chồng Trương Thị L và Lê Hoàng T không chia lại cho các đồng thừa kế khác. Do trước khi ông H chết không có để lại di chúc, nay yêu cầu buộc bà Trương Thị L chia di sản của ông H là số tiền nhận đền bù giải tỏa theo pháp luật, chia làm 10 phần gồm có tôi và 09 người con của ông H, mỗi kỷ phần 147.099.331 đồng và yêu cầu bà L phải trả tiền lãi cho tôi tạm tính từ ngày 15/9/2009 đến ngày 15/01/2019 là 131.799.808 đồng. Tổng cộng buộc bà L trả cho tôi là 278.899.139 đồng.

- Tại Tờ phúc đáp ngày 12/3/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn H trình bày:

Nguồn gốc căn nhà 71T (97 cũ) đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (cơ sở sản xuất bún) là của cha tôi tên Trương Văn H, vào năm 2009 căn nhà bị giải tỏa toàn bộ để xây dựng công trình bờ kè sông Maspero, ông H được nhận tiền đền bù giải tỏa là 1.470.993.316 đồng. Tôi và cha tôi sống chung trong căn nhà khi bị giải tỏa cha tôi có ý định mua một căn nhà riêng cho tôi để có chỗ di dời cơ sở sản xuất bún của gia đình thì được biết căn nhà phía trên lộ số 150 đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng của bà Dur Ngọc A và Dur Thị Út định bán, vì không có tiền do chưa nhận được tiền đền bù giải tỏa căn nhà 71T, nên cha tôi hỏi mượn của vợ chồng chị Trương Thị L 1.200.000.000 đồng để đặt cọc mua nhà số 150 của bà Anh và bà Út, việc mượn tiền chị Lê đặt cọc mua nhà cha tôi có nói cho các anh, chị em đều biết. Khi cha chết các anh, chị em trong gia đình nhờ vợ chồng chị Lê lo toàn bộ đám tang. Sau đám tang tổng hợp các khoản chi phí là 340.000.000 đồng, trừ phần tiền cúng điều 70.000.000 đồng, chị Lê đã chi là 270.000.000 đồng. Không yêu cầu nhận chia thừa kế số tiền đền bù, giải tỏa 1.470.993.316 đồng là di sản của ông Trương Văn H.

- Tại Tờ phúc đáp ngày 12/3/2019 các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn D; Trương Công V; Nguyễn Thị Thu V; Trương Minh T; Trương Công T; Trương Thanh T và Lê Hoàng Quốc T trình bày:

Nguồn gốc căn nhà 71T (97 cũ) đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (cơ sở sản xuất bún) là của ông Trương Văn H, vào năm 2009 căn nhà bị giải tỏa toàn bộ để xây dựng công trình bờ kè sông Maspero, ông H được nhận tiền đền bù giải tỏa là 1.470.993.316 đồng. Do cần có chỗ di dời cơ sở sản xuất bún của gia đình thì được biết căn nhà phía trên lộ số 150 đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng của bà Dur Ngọc A và Dur Thị Út định bán, vì không có tiền do chưa nhận được tiền đền bù giải tỏa căn nhà 71T, nên ông H hỏi mượn của vợ chồng chị Trương Thị L 1.200.000.000 đồng để đặt cọc mua nhà số 150 của bà Anh và bà Út, việc mượn tiền chị Lê đặt cọc mua nhà cha tôi có nói cho các anh, chị em đều biết. Khi cha chết các anh, chị em trong gia đình nhờ vợ chồng chị Lê lo toàn bộ đám tang. Sau đám tang tổng hợp các khoản chi phí là 340.000.000 đồng, trừ phần tiền cúng điều 70.000.000 đồng, chị Lê đã chi là 270.000.000 đồng. Không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của Trương Hoàng O và bà Nguyễn Thị L.

Tại bản án số: 04/2020/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã tuyên xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 623, các Điều 635, 652, 653, 655, 676, 677, 689, 692 và 723 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 503, 613, 630, 631, 633, 651, 652, 856 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 12, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Hoàng O về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Trương Văn H và Hứa Thị M.

1. Chia thừa kế di sản của cụ Trương Văn H và Hứa Thị M cho: Trương Văn D; Trương Thị L; Trương Công V; Trương Công Điền (chết ngày 01/6/2008 có con là Trương Minh T); Trương Công T; Trương Phương D; Trương Văn H; Trương Thanh T và Trương Hàn T (chết ngày 10/01/2007 có con là Trương Hoàng O). Mỗi người được hưởng 01 kỷ phần (4.614.847 đồng + 4.195.315 đồng) là 8.810.000 đồng (tám triệu tám trăm mười nghìn đồng). Do Trương Công Điền chết nên con là Trương Minh T được hưởng, Trương Hàn T chết nên con là Trương Hoàng O được hưởng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L, chia cho bà Nguyễn Thị L 01 kỷ phần di sản của Cụ H là 4.195.000 đồng (bốn triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Không chấp nhận yêu cầu bị đơn Lê trả tiền lãi 131.799.808 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2009 đến ngày 15/01/2009) của bà L ợi.

3. Buộc bà Trương Thị L giao trả cho: Trương Văn D; Trương Công V; Trương Minh T; Trương Công T; Trương Phương D; Trương Văn H; Trương Thanh T và Trương Hoàng O. Mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là 8.810.000 đồng (tám triệu tám trăm mười nghìn đồng). Giao cho bà Nguyễn Thị L 01 kỷ phần là 4.195.000 đồng. Đối với kỷ phần của bà Trương Phương D giao cho bà L quản lý, khi nào bà Dung có yêu cầu thì giao trả lại cho bà Dung. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/01/2020, Bà Trương Hoàng O và bà Nguyễn Thị L cùng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, hai bà cho rằng không có việc Cụ H mượn bà L 1,2 tỷ đồng đặt cọc mua nhà của bà A và bà Dư, chi phí đám tang ông H 336.272.000đ trong khi chỉ thu được 70 triệu đồng tiền phúng điếu là không hợp lý. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà O và yêu cầu độc lập của bà L ợi; chia di sản của Cụ H là số tiền nhà nước bồi thường là 1.470.993.316đ mà bà L đã nhận theo ủy quyền của các thừa kế; cụ thể Bà O, bà L ợi yêu cầu mỗi người được hưởng 147.099.331đ và buộc bà L trao trả số tiền này. Riêng bà L ợi còn kháng cáo yêu cầu buộc bà L trả lãi là 131.799.808đ tạm tính từ ngày 15/9/2009 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Viện trưởng VKSND tỉnh Sóc Trăng có quyết định kháng nghị số 08/QDKNPT-VKS-DS ngày 31/01/2020, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của Bà O và bà L ợi.

Tại phiên tòa hôm nay, Ông P đại diện của Bà O, bà L ọi vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày:

Ông P trình bày: Bà L nhận tiền bồi thường của ông H nhưng không chia cho các thừa kế, không có việc ông H mượn tiền bà L 1,2 tỷ đồng, đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của Bà O, bà L ọi.

Ông Khởi đại diện bà L trình bày: Việc ông H vay bà L 1,2 tỷ đồng là có thật, các thừa kế khác đều biết, vay không làm giấy tờ, trong vụ án nguyên đơn chỉ yêu cầu chia di sản của Cụ H. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Cấp phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng các quy định về tố tụng,

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Bà O và bà L ọi yêu cầu chia thừa kế của ông H đối với số tiền nhà nước bồi thường khi thu hồi nhà, đất là 1,4 tỷ đồng (làm tròn), bà L ọi còn yêu cầu bị đơn trả lãi số tiền bà L phải chia. Số tiền hơn 1,4 tỷ đồng là di sản của vợ chồng ông H, trong đó di sản của ông H là hơn 800.000.000đ. Sau khi trừ tiền mai táng phí, tiền Cụ H mượn bà L 1,2 tỷ đồng thì di sản của Cụ H không còn. Phần di sản của Cụ H là một phần căn nhà hiện ông Hòa đứng tên tại số 150 Điện Biên Phủ, TP. Sóc Trăng, tuy nhiên nguyên đơn không khởi kiện chia thừa kế của Cụ H phần giá trị căn nhà ông Hòa đứng tên tương ứng với số tiền 1,2 tỷ của Cụ H khi mua nhà. Bà L ề nhận tiền bồi thường sau khi trừ tiền Cụ H vay, tiền mai táng phí nên di sản của Cụ H không còn trong số tiền bồi thường bà L nhận. Đề nghị chấp nhận kháng nghị, không chấp nhận kháng cáo của Bà O, bà L ọi, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của Bà O và bà L ọi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Nguyên đơn Bà O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà L ọi đều có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật 1.470.993.316đ là số tiền nhà nước bồi thường khi thu hồi căn nhà số 71T (số cũ 97) Điện Biên Phủ, Phường 6, TP. Sóc Trăng, Bà O và bà L ọi yêu cầu được chia kỷ phần là 147.099.331đ. Căn nhà này là di sản của vợ chồng cụ Trương Văn H (chết ngày 03/9/2009) và cụ Hứa Thị M (chết năm 1985) đều không có di chúc. Số tiền này hiện do bà Trương Thị L nhận do các đồng thừa kế của Cụ H, cụ M ủy quyền cho bà L và chồng là ông Lê Hoàng T nhận ngày 15/9/2009. Bà L ọi còn yêu cầu bà L phải trả tiền lãi cho bà tạm tính từ ngày 15/9/2009 đến ngày 15/01/2019 là 131.799.808 đồng.

[2]- Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về phạm vi khởi kiện, yêu cầu của Bà O và bà L ọi thì thấy:

Kháng nghị cho rằng: Số tiền 1.470.993.316đ Bà O và bà L ọi đang yêu cầu chia thừa kế là di sản của Cụ H và Cụ M, di sản của mỗi cụ là 735.496.658đ. Do Bà O chỉ yêu cầu chia di sản của Cụ H nên di sản được xem xét là 735.496.658đ. Bà L cho Cụ H mượn 1,2 tỷ đồng, bà L chi đám ma cho Cụ H 266.272.000đ sau khi đã trừ tiền phúng điếu nên di sản của Cụ H sau khi trừ tiền chi phí đám ma và trừ nợ thì không còn.

Xét thấy: Bà O và Bà L ọi yêu cầu chia thừa kế của Cụ H, cụ thể là yêu cầu chia thừa kế số tiền 1.470.993.316đ do nhà nước bồi thường đứng tên Cụ H. Đây là tiền được xác định là di sản của vợ chồng Cụ H do nhà nước trả khi giải tỏa nhà đất của vợ chồng Cụ H tại số 71T Điện Biên Phủ. Do cụ M chết trước nên quyết định bồi thường chỉ ghi tên Cụ H nhưng đây là tài sản chung của Cụ H và cụ M. Như vậy, mặc dù Bà O chỉ nêu yêu cầu chia di sản của Cụ H nhưng lại yêu cầu cụ thể là chia di sản là toàn bộ số tiền 1.470.993.316đ do nhà nước bồi thường nên phải hiểu yêu cầu của Bà O bao hàm cả chia di sản của cụ M và Cụ H. Kháng nghị cho rằng cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện khi giải quyết chia thừa kế cả phần di sản của cụ M, kết luận này của kháng nghị là không có căn cứ chấp nhận.

[3]- Xét kháng cáo của Bà O, bà L ọi và kháng nghị của Viện kiểm sát thì thấy:

Tất cả các đương sự đều thừa nhận số tiền nhà nước đền bù 1.470.993.316đ, án sơ thẩm và kháng nghị của Viện kiểm sát cũng kết luận số tiền này là di sản của vợ chồng hai Cụ H và Mừng.

Về nội dung án sơ thẩm kết luận Cụ H mượn 1,2 tỷ đồng của bà L để trừ đó trừ vào số tiền 1.470.993.316đ. Tuy nhiên, do Bà O và bà L ọi không thừa nhận việc Cụ H mượn tiền bà L ệ. Xét thấy, nếu có việc Cụ H mượn tiền bà L thì bà L phải khởi kiện yêu cầu người thừa kế của Cụ H thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại bằng vụ án khác hoặc có yêu cầu phản tố trong vụ án này để giải quyết. Do bà L không có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu các thừa kế thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại nhưng cấp sơ thẩm lại kết luận Cụ H mượn tiền bà L để trừ vào di sản là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện. Bà L được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác nếu có yêu cầu các thừa kế của Cụ H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Cụ H.

Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của Bà O và bà L ọi; sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà O và một phần yêu cầu độc lập của bà L ọi; chia thừa kế 1.470.993.316đ là di sản của Cụ H và cụ M theo pháp luật.

[4]- Hàng thừa kế của Cụ H bao gồm: 10 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Hàng thừa kế của cụ M gồm 10 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, trong đó có Cụ H.

Số tiền mai táng phí như cấp sơ thẩm kết luận là có căn cứ, đa số các thừa kế đều chấp nhận mức chi phí mai táng phí do bà L bỏ ra cũng như tiền phúng điếu. Bà O và bà L kháng cáo phần này nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nên không chấp nhận kháng cáo về nội dung này.

Di sản của hai cụ sau khi trừ chi phí mai táng 187.087.000đ, còn lại là:
 $1.470.993.316đ - 187.087.000đ = 1.283.906.316đ$.

- Di sản của cụ M là: $1.283.906.316đ : 2 = 641.953.158đ$. mỗi thừa kế của cụ M được hưởng $641.953.158đ : 10 = 64.195.315đ$. Bà O hưởng phần thừa kế thế vị của ông Trương Hàn T. Trương Minh T hưởng phần thừa kế thế vị của ông Trương Công Điền, các thừa kế còn lại gồm Cụ H, Trương Văn D, Trương Thị L, Trương Công V, Trương Công T, Trương Phương D, Trương Văn Hòa, Trương Thành Tùng mỗi kỹ phần được hưởng 64.195.315đ.

- Di sản của Cụ H là $641.953.158đ + 64.195.315đ = 706.148.473đ$. Di sản này được chia cho 10 kỹ phần bao gồm: Bà O hưởng phần thừa kế thế vị của ông Trương Hàn T. Trương Minh T hưởng phần thừa kế thế vị của ông Trương Công Điền, các thừa kế còn lại gồm Trương Văn D, Trương Thị L, Trương Công V, Trương Công T, Trương Phương D, Trương Văn Hòa, Trương Thành Tùng và bà Nguyễn Thị L, mỗi kỹ phần được hưởng 70.614.847đ.

Buộc bà L trả cho bà L 70.614.847đ, trả cho các thừa kế còn lại mỗi thừa kế là $70.614.847đ + 64.195.315đ = 134.810.162đ$.

[5]- Về việc bà L ọi yêu cầu tính lãi trên số tiền bà L chậm trả cho bà L ọi: Xét thấy bà L chỉ là người nhận thay tiền bồi thường cho các thừa kế, không có thỏa thuận bà L phải trả lãi nếu bà L chậm trả cho các thừa kế. Mặt khác đến năm 2019 bà L ọi mới khởi kiện yêu cầu bà L chia thừa kế khoản tiền trên nên việc bà L chưa trả tiền cho các thừa kế là do các thừa kế không yêu cầu bà L trả tiền kỹ phần thừa kế, việc bà L chậm chi trả cho các thừa kế từ năm 2009 đến năm 2019 là do các thừa kế không yêu cầu nên không có căn cứ buộc bà L trả tiền lãi. Bà L ọi yêu cầu tính lãi từ năm 2009 là không có căn cứ.

[6]- Về án phí: Án phí có giá ngạch: Bà L ọi phải chịu 3.530.000đ. Các thừa kế còn lại mỗi người phải chịu 6.740.000đ.

Án phí phúc thẩm: Bà O và bà L ọi không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trương Hoàng O và một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị L; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng; sửa một phần quyết định Bản án sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

Áp dụng: Điều 634, 674, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Hoàng O và một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L; chia thừa kế số tiền 1.283.906.316đ là di sản của cụ Trương Văn H và cụ Hứa Thị M theo pháp luật như sau:

Chia cho bà Nguyễn Thị L 70.614.847đ; chia cho các thừa kế còn lại gồm: Chia cho bà Trương Hoàng O (hưởng phần thừa kế thế vị của ông Trương Hàn T), ông Trương Minh T (hưởng phần thừa kế thế vị của ông Trương Công Điền), Trương Văn D, Trương Thị L, Trương Công V, Trương Công T, Trương Phương D, Trương Văn Hòa, Trương Thành Tùng mỗi người thừa kế được hưởng 134.810.162đ.

Buộc bà Trương Thị L trả kỷ phần cho các thừa kế: Trả bà Nguyễn Thị L 70.614.847đ (bảy mươi triệu sáu trăm mười bốn ngàn tám trăm bốn bảy đồng), trả cho các thừa kế còn lại gồm bà Trương Hoàng O (hưởng phần thừa kế thế vị của ông Trương Hàn T), Trương Minh T (hưởng phần thừa kế thế vị của ông Trương Công Điền), Trương Văn D, Trương Công V, Trương Công T, Trương Phương D, Trương Văn Hòa, Trương Thành Tùng mỗi người là 134.810.162đ (một trăm ba tư triệu tám trăm mười ngàn một trăm sáu hai đồng).

2- Về án phí sơ thẩm có giá ngạch: Các thừa kế còn lại gồm bà Trương Hoàng O, ông Trương Minh T, Trương Văn D, Trương Thị L, Trương Công V, Trương Công T, Trương Phương D, Trương Văn H, Trương Thành Tùng mỗi người phải chịu 6.740.000đ. Bà O được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 3.677.000 đồng theo Biên lai thu số 0006347 ngày 22/01/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng, Bà O còn phải nộp 3.063.000đ. Miễn án phí cho bà L ợi.

3- Về án phí phúc thẩm: Bà O và bà L ợi không phải chịu. Hoàn lại cho bà Trương Hoàng O 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 2829 ngày 03/02/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng (do ông Phan Văn P nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3) (07);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Văn Hùng